

nước. Pha một giọt tinh dầu trong 1 ml *ether dầu hóa* (30 °C đến 60 °C) (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên cùng bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch thử và dung dịch đối chiếu. Sau khi khai triển, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí rồi phun *thuốc thử vanilin - acid sulfuric* (TT), sấy bản mỏng ở 110 °C trong 10 min. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 11,0 % (Phụ lục 12.13).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Tỷ lệ quả non, quả lép: Không quá 5,0 %.

Tạp chất khác: Không quá 0,5 %.

Chất chiết được trong dược liệu

Chất chiết được trong nước: Không dưới 11,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt. Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10). Dùng *nước* làm dung môi.

Chất chiết được trong ethanol: Không được dưới 7,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt. Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10). Dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Mạn kinh tử: Lấy dược liệu khô, loại bỏ tạp chất, dùng sống.

Mạn kinh tử tẩm rượu sao: Tẩm đều rượu vào dược liệu, ủ 3 h, sao theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20 đến khi có mùi thơm bốc lên là đạt. Cứ 10 kg dược liệu dùng 0,5 lít rượu 40°.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh mất mùi, tránh mốc mọt, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, cay, tính hơi hàn. Vào các kinh can, phế, bàng quang.

Công năng, chủ trị

Sơ tán phong nhiệt, mát huyết, thanh lợi chứng đau đầu và đau nhức mắt. Chủ trị: Cảm mạo phong nhiệt đau đầu nhức mắt chảy nước mắt (đông y gọi là gan nóng bốc hỏa lên đầu và mắt). Chóng mặt đau đầu hoa mắt, răng lợi sưng đau, mắt đỏ, chảy nước mắt, mắt mờ nhìn ko rõ, trị chứng phong nhiệt đau các khớp khắp cơ thể.

Dùng sống có tác dụng sơ phong tán nhiệt trị ho khan.

Sao rượu để tăng cường tính ôn để điều trị phong thấp, một số chứng bệnh đau nhức mọi khắp cơ thể ngoại biên.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 10 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Đau đầu, nhức mắt do huyết hư không được dùng.

MĂNG CỤT (Vỏ quả)

Garcinia mangostanae Pericarpium

Sơ trúc tử

Vỏ quả chín dùng tươi hoặc được làm khô của quả cây Măng cụt (*Garcinia mangostana* L.), họ Măng cụt (Clusiaceae). Thu hoạch khi quả đã chuyển sang màu đỏ hoặc màu tím. Bỏ phần thịt quả và hạt, lấy vỏ dùng tươi hay phơi khô.

Mô tả

Mảnh vỏ quả màu đỏ nâu, hơi cong queo, kích thước từ 3 cm đến 5 cm. Vỏ quả ngoài có màu nâu sậm, khá nhẵn, vỏ quả giữa có màu đỏ nâu, vết bẻ ở phần này cho thấy có những ống tiết chứa chất nhựa màu vàng hay vàng cam. Vỏ quả trong màu nâu nhạt, nhẵn, nhìn thấy rõ những mạch dẫn nhựa nhỏ và những vết hằn của mùi. Đôi khi còn sót lại những lá đài đồng trường có hình gần như tròn, dính trên cuống.

Bột

Màu nâu, không mùi, vị hơi chát. Soi kính hiển vi: tế bào mô cứng đa dạng, có kích thước không đều, thành rất dày, lỗ trao đổi rõ. Mảnh mô mềm gồm những tế bào có thành mỏng, mang chất màu (đỏ nâu). Khối nhựa có màu (cam, đỏ cam, nâu). Tinh thể calci oxalat hình cầu gai (nhỏ, ít).

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 30 ml *nước*, đun trong cách thủy sôi 15 min. Lọc qua 1 đến 2 lớp giấy lọc được dung dịch A.

Phản ứng 1: Cho vào hai ống nghiệm, mỗi ống 2 ml dung dịch A.

Ống 1: Thêm 1 giọt đến 2 giọt *thuốc thử gelatin - natri clorid* (TT), xuất hiện tủa trắng đục.

Ống 2: Thêm 1 giọt đến 2 giọt *dung dịch sắt (III) clorid 1 %* (TT), dung dịch có màu xanh rêu.

Phản ứng 2: Cho vào hai ống nghiệm, mỗi ống 2 ml dung dịch A.

Ống 1: Thêm 3 giọt *thuốc thử Stiasny* (TT), đun nóng trong cách thủy 10 min, xuất hiện tủa vón màu đỏ gạch.

Ống 2: Thêm 1 đến 2 giọt *nước brom* (TT), xuất hiện tủa ngà.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G60F₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - ethyl acetat - acid formic* (5 : 4 : 1).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml hỗn hợp dung môi khai triển, siêu âm trong 30 min, lọc. Lấy dịch lọc bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 2 ml hỗn hợp dung môi khai triển được dung dịch thử.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy khoảng 2 g bột Măng cụt (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của

DUỐC ĐIỀN VIỆT NAM VI

MẬT ONG

dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 6,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid hydrocloric

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 10,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Bao bì kín, nơi khô ráo.

Tính vị, quy kinh

Vị chát, tính ôn.

Công năng, chủ trị

Sát trùng chỉ lý, thu liễm sẵn da. Chủ trị: Đau bụng ỉa chảy, lý, khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều dùng

Ngày dùng từ 20 g đến 60 g, dưới dạng thuốc sắc, hoặc dịch chiết thực rửa âm đạo trị bạch đới.

MÂM XÔI (Quả)

Rubi Fructus

Đùm dũm, Phức bồn tử

Quả chín được làm khô của cây Mâm xôi (*Rubus alceaefolius* Poir.), họ Hoa hồng (Rosaceae). Thu hái vào tháng 5 đến 7, khi quả chín, hái về, loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Dược liệu là quả tụ hình cầu, thường dính với cuống, gồm nhiều quả hạch nhỏ xếp sát nhau thành cụm hình mâm xôi. Quả chín khô màu đỏ thẫm, đường kính khoảng 0,5 cm đến 1,0 cm. Quả hạch nhỏ mang nhiều tua dài, uốn theo nhiều phía, bên trong chứa hạch hình thận. Đầu quả lồi tròn, gốc quả lõm gắn vào cuống và 5 lá đài. Phía trong lá đài có nhiều chỉ nhụy màu nâu đen, rời nhau. Quả có vị chua, hơi ngọt.

Bột

Bột màu nâu đỏ, soi kính hiển vi thấy nhiều lông che chở đơn bào, thành dày, màu nâu nhạt, trơn nhẵn hoặc hơi uốn lượn đường kính khoảng 7 µm đến 12 µm, dài khoảng 70 µm đến 300 µm. Mảnh mang màu đỏ hoặc vàng. Mảnh

biểu bì gồm các tế bào hình đa giác hoặc tế bào dài và dẹt. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai đường kính 15 µm đến 25 µm, nằm trong đám mô mềm hoặc rải rác. Rải rác có các mảnh mạch màu vàng nhạt hay nâu đỏ.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Chloroform - methanol (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô dược liệu, thêm 15 ml *ethyl acetat* (TT), ngâm trong 1 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml *ethanol* 96 % (TT).

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột Mâm xôi (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên, triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin* 1 % trong *acid sulfuric* (TT), sấy ở 110 °C đến khi rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Bảo quản

Trong bao bì kín, tránh mốc, mọt, nên dùng trong 3 tháng sau khi làm khô.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, chua, tính ôn. Vào các kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Ích thận, cố tinh. Chủ trị: Tiểu nhiều lần, tiểu không cầm, hoặc thận hư dẫn đến tảo tiết, di tinh, liệt dương.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dưới dạng thuốc sắc hoặc hoàn.

MẬT ONG

Mel

Mật ong là mật của con Ong mật gốc châu Á (*Apis cerana* Fabricius) hay Ong mật gốc châu Âu (*Apis mellifera* L.), họ Ong mật (Apidae). Mùa thu hoạch theo vùng miền và các loại hoa.

Mô tả

Chất lỏng đặc sánh, hơi trong và dính nhớt, có màu trắng đến màu vàng nhạt hoặc vàng cam đến nâu hơi vàng, khi nếm ăn vào khe họng, ngọt gắt nhưng không khát nước.